

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 87/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021, giữa:

*Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị S** - Sinh năm: 1973; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Bị đơn:* Ông **Trần Văn A** - Sinh năm: 1972; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị S và ông Trần Văn A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Ghi nhận việc bà Lê Thị S và ông Trần Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2.2/ Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con:

- Ông Trần Văn A được quyền trực tiếp nuôi người con chung giữa ông và bà Lê Thị S tên Trần Lê Bảo N - Sinh ngày: 14/8/2013 (hiện đang sống chung với bà S), bà S tự nguyện đồng ý giao người con tên Trần Lê Bảo N (Sinh ngày:

14/8/2013) cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng; sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của con chung (Trần Lê Bảo N). Ghi nhận việc ông A không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con.

Riêng người con chung giữa ông Trần Văn A và bà Lê Thị S tên Trần Thảo V - Sinh ngày: 28/02/2003 đã trưởng thành, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân; bà S và ông A thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết gì đối với người con này.

- Bà Lê Thị S có quyền thăm nom con; không ai được cản trở bà S thực hiện quyền này. Trong trường hợp bà S lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì ông A có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của bà S.

- Vì lợi ích của con chung, bà Lê Thị S, ông Trần Văn A hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Khi có lý do chính đáng, bà Lê Thị S, ông Trần Văn A có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3/ Về tài sản: Bà Lê Thị S, ông Trần Văn A thống nhất xác định không có tài sản chung.

2.4/ Về nợ: Bà Lê Thị S, ông Trần Văn A thống nhất xác định không có nợ và cũng không có ai gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết gì về nợ có liên quan đến vụ án này nên không xem xét, giải quyết.

2.5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị S nhận chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007178 ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; bà S được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Bà Lê Thị S <sup>(01 bản)</sup>;
- Ông Trần Văn A <sup>(01 bản)</sup>;
- UBND xã B, huyện C <sup>(01 bản)</sup>;
- VKSND huyện Chợ Lách <sup>(01 bản)</sup>;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C <sup>(01 bản)</sup>;
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre <sup>(01 bản)</sup>;
- Lưu: Hồ sơ vụ án<sup>(01 bản)</sup>, Vp<sup>(01 bản)</sup>, Bp<sup>(01 bản)</sup>.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Ngọc Tuyên**